



Số : 27 / D11-KT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2019

V/v : giải trình kết quả lợi nhuận sau thuế quý
01/2019 so với quý 1/2018

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11**
2. Mã chứng khoán: D11
3. Địa chỉ trụ sở chính: 205 Lạc Long Quân, phường 03, Quận 11
4. Điện thoại: 08- 3974.0179 Fax: 08- 3974.0178
5. Người thực hiện công bố thông tin: Mr Giang
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1. Báo cáo tài chính quý 04 năm 2019
 - 6.2. Nội dung giải trình : Chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 01/2019 tăng 967% so với quý 01/2018 (tương đương tăng 621.006.761 đ) là do :

DVT : VNĐ

Chỉ tiêu	Quý 01/2019 (1)	Quý 01/2018 (2)	Chênh lệch (3) =(1)-(2)	Tỷ lệ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.915.229.436	15.516.503.150	1.398.726.286	9%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.035.633.992	595.887.925	439.746.067	74%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	685.236.563	64.229.802	621.006.761	967%

- Kết quả lợi nhuận sau thuế quý 01/2019 tăng so với quý 01/2018 là do doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng và doanh thu hoạt động tài chính như bảng tính trên.

7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: diaoc11.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.

- Lưu: ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Khắc Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ 01 NĂM 2019

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		586.010.602.707	537.293.551.454
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	104.040.195.643	86.495.927.884
1. Tiền	111		17.144.339.898	16.600.072.139
2. Các khoản tương đương tiền	112		86.895.855.745	69.895.855.745
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		107.870.606.748	105.657.325.799
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	43.449.253.059	43.317.252.855
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	43.912.900.714	45.163.195.926
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.600.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	17.908.452.975	17.176.877.018
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		372.348.531.659	345.140.297.771
1. Hàng tồn kho	141	V.5	372.348.531.659	345.140.297.771
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.751.268.657	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.751.268.657	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.841.168.000	11.674.658.064
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.678.746.444	6.678.746.444
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	6.678.746.444	6.678.746.444
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.498.713.576	1.563.886.989
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	1.498.713.576	1.563.886.989
- Nguyên giá	222		4.117.925.864	4.117.925.864
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.619.212.288)	(2.554.038.875)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.7	2.521.411.289	2.554.213.658
- Nguyên giá	231		3.279.769.109	3.279.769.109
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(758.357.820)	(725.555.451)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.142.296.691	877.810.973
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.142.296.691	877.810.973
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		597.851.770.707	548.968.209.518

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		503.150.925.180	454.952.600.554
I. Nợ ngắn hạn	310		323.863.567.408	338.707.238.317
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	6.457.983.565	13.026.889.553
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10a	202.077.966.944	182.715.621.138
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	179.202.999	4.580.351.009
4. Phải trả người lao động	314	V.12	5.024.490.287	6.658.459.036
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	44.231.839.674	44.316.039.674
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		475.000.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	14.873.427.865	35.210.309.822
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	49.274.968.668	50.391.228.129
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	1.268.687.406	1.808.339.956
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		179.287.357.772	116.245.362.237
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.10b	135.294.899.475	66.787.464.440
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	2.448.021.000	492.063.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	41.544.437.297	48.965.834.797
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		94.700.845.527	94.015.608.964
I. Vốn chủ sở hữu	410		94.700.845.527	94.015.608.964
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	65.519.650.000	65.519.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		65.519.650.000	65.519.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	15.231.244.221	15.231.244.221
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.18	763.129.495	763.129.495
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	13.186.821.811	12.501.585.248
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.501.585.248	12.501.585.248
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		685.236.563	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		597.851.770.707	548.968.209.518

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2019

Trần Thị Minh Thu
Người lập biểu

Huỳnh Thị Yến Nhi
Kế toán trưởng



Trần Thị Kim Huệ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ 01

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		856.545.703	80.287.252
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.6;V.7	97.975.782	(401.204.521)
- Các khoản dự phòng	03	V.17	-	(94.380.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(881.228.761)	(354.798.084)
- Chi phí lãi vay	06		273.601.097	160.451.780
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		346.893.821	(609.643.573)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.269.104.664)	(1.369.512.388)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(27.208.233.888)	(32.003.079.692)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		60.437.991.914	45.300.513.557
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(264.485.718)	(83.293.947)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(273.601.097)	(160.451.780)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(3.293.970.787)	(770.605.654)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(539.652.550)	(1.723.457.251)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		27.935.837.031	8.580.469.272
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.600.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4;VI.3	785.783.819	329.730.076
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.814.216.181)	329.730.076

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý 01 (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.15	1.091.102.500	(1.814.023.237)
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15	(9.628.759.461)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.14a;V.18	(39.696.130)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>(8.577.353.091)</i></u>	<u><i>(1.814.023.237)</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		17.544.267.759	7.096.176.111
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		86.495.927.884	33.930.640.294
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		<u>104.040.195.643</u>	<u>41.026.816.405</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2019



Trần Thị Minh Thư
Người lập biểu



Huỳnh Thị Yến Nhi
Kê toán trưởng



Trần Thị Kim Huệ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11
 Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân - phường 3 - Quận 11
 Tel: 38587107 Fax: 39636186

Báo cáo tài chính
 Quý 1 năm tài chính 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Mẫu số

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		16.915.229.436	15.516.503.150	16.915.229.436	15.516.503.150
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		16.915.229.436	15.516.503.150	16.915.229.436	15.516.503.150
4. Giá vốn hàng bán	11		15.176.836.972	14.759.150.102	15.176.836.972	14.759.150.102
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		1.738.392.464	757.353.048	1.738.392.464	757.353.048
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.035.633.992	595.887.925	1.035.633.992	595.887.925
- Trong đó: Chi phí lãi vay	22		273.601.097	160.451.780	273.601.097	160.451.780
8. Chi phí bán hàng	23		273.601.097	160.451.780	273.601.097	160.451.780
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		273.601.097	160.451.780	273.601.097	160.451.780
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (24+25))	30		1.643.879.656	1.110.006.941	1.643.879.656	1.110.006.941
11. Thu nhập khác	31		856.545.703	80.287.252	856.545.703	80.287.252
12. Chi phí khác	32		-	-	-	-
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		-	-	-	-
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		856.545.703	80.287.252	856.545.703	80.287.252
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		171.309.140	16.057.450	171.309.140	16.057.450
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		685.236.563	64.229.802	685.236.563	64.229.802
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		105	-	105	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu(*)	71		105	8	105	8

Người lập biểu

Trần Thị Minh Thư

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Yên Nhi

TPHCM, ngày 20 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám Đốc



Trần Thị Kim Huệ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Địa ốc 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng nhà ở; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở); Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng; Dịch vụ cho thuê nhà ở, xưởng, kho bãi; Dịch vụ giữ xe; Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu và lợi nhuận năm nay của Công ty gia tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do Công ty đã bàn giao một số căn hộ thuộc dự án Res 11 và ghi nhận doanh thu kinh doanh bất động sản trong năm nay.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ của năm tài chính Công ty có 144 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 174 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính như sau:

- Đối với nguyên vật liệu được tính theo giá thực tế đích danh được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Đối với hàng tồn kho khác áp dụng giá nhập trước xuất trước được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí hoa hồng, quảng cáo. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí hoa hồng, quảng cáo

Chi phí hoa hồng, quảng cáo phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí khi dự án phát sinh doanh thu.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	07

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	06
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có dự phòng bảo hành công trình.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 05% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành (năm trước là 05%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.168.070.844	2.648.829.036
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.976.269.054	13.951.243.103
Các khoản tương đương tiền ^(*)	86.895.855.745	69.895.855.745
Cộng	<u>104.040.195.643</u>	<u>86.495.927.884</u>

^(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>28.898.439.095</i>	<i>19.866.422.121</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thanh Niên	26.851.450.295	17.819.433.321
Các cá nhân có quan hệ mật thiết với các thành viên quản lý chủ chốt	2.046.988.800	2.046.988.800
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>14.550.813.964</i>	<i>23.450.830.734</i>
Công ty TNHH MTV Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung	1.819.792.093	1.819.792.093
Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh	2.335.394.000	3.995.752.000
Khách hàng dự án Res 11	8.531.812.956	14.472.460.219
Các khách hàng khác	1.863.814.915	3.162.826.422
Cộng	<u>43.449.253.059</u>	<u>43.317.252.855</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>27.400.514.406</i>	<i>27.400.514.406</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn ^(*)	27.400.514.406	27.400.514.406
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>16.512.386.308</i>	<i>17.762.681.520</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Euro Window	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hafele Việt Nam	-	-
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Toàn Cầu	5.007.623.536	3.507.623.536
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại & Sản xuất M.T.H	57.617.051	1.716.205.030
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Thành Nhân	2.680.088.502	2.680.088.502
Công ty TNHH DV TM Trí Thanh	2.196.122.438	
Các nhà cung cấp khác	6.570.934.781	9.858.764.452
Cộng	43.912.900.714	45.163.195.926

(*) Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn (là bên liên quan) về tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất của dự án kinh doanh nhà ở phường Phú Mỹ, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	<i>1.035.166.259</i>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thanh Niên - Lãi chậm thanh toán	-	-	35.166.259	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn – mượn tiền	-	-	1.000.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>17.908.452.975</i>	-	<i>16.141.710.759</i>	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	225.050.656	-	152.413.693	-
Tạm ứng cho nhân viên	2.100.107.500	-	1.025.107.500	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp hoạt động kinh doanh bất động sản	1.580.938.570	-	1.580.938.570	-
Thuế giá trị gia tăng tạm nộp hoạt động kinh doanh bất động sản	12.071.221.053	-	12.071.221.053	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.931.135.196	-	1.312.029.943	-
Cộng	17.908.452.975	-	17.176.877.018	-

4b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp hoạt động kinh doanh bất động sản	607.158.768	-	607.158.768	-
Thuế giá trị gia tăng tạm nộp hoạt động kinh doanh bất động sản	6.071.587.676	-	6.071.587.676	-
Cộng	6.678.746.444	-	6.678.746.444	-

5. Hàng tồn kho

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang liên quan đến các dự án đang được triển khai xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ 49/52 Âu Cơ, Phường 14, Quận 11 đang ghi nhận chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của dự án nhà ở xã hội (chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của dự án này có giá trị theo sổ sách là 113.174.839.048 VND) để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Công ty dùng tài sản gắn liền với đất đang ghi nhận chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của dự án chung cư Res 11 (chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của dự án này có giá trị theo sổ sách là 102.310.448.866 VND) để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương.

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	803.412.869	2.205.545.454	1.070.183.255	38.784.286	4.117.925.864
Số cuối kỳ	803.412.869	2.205.545.454	1.070.183.255	38.784.286	4.117.925.864
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	803.412.869	-	1.070.183.255	38.784.286	1.912.380.410
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	803.412.869	641.658.465	1.070.183.255	38.784.286	2.554.038.875
Khấu hao trong năm	-	65.173.413	-	-	65.173.413
Số cuối kỳ	803.412.869	706.831.878	1.070.183.255	38.784.286	2.619.212.288
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	1.563.886.989	-	-	1.563.886.989
Số cuối kỳ	-	1.498.713.576	-	-	1.498.713.576
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

7. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	3.279.769.109	3.279.769.109
Giảm kết chuyển vào giá trị công trình	-	-	-
Số cuối kỳ	-	3.279.769.109	3.279.769.109
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	725.555.451	725.555.451
Khấu hao trong năm	-	32.802.369	32.802.369
Giảm kết chuyển vào giá trị công trình	-	-	-
Số cuối kỳ	-	758.357.820	758.357.820

Giá trị còn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	-	2.554.213.658	2.554.213.658
Số cuối kỳ	-	2.521.411.289	2.521.411.289

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán của Công ty là Cửa hàng 418 Hồng Bàng, phường 16, quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	969.533.454	200.558.532
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	50.302.369	32.802.369
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

Bất động sản đầu tư đã được thế chấp, để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

8. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	39.013.096	56.632.528
Chi phí hoa hồng, quảng cáo RES11	613.847.443	821.178.445
Chi phí quảng cáo Cao ốc TNH	489.436.152	
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	56.632.528
Cộng	1.142.296.691	877.810.973

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Xây dựng Trang trí Nội Ngoại thất Phương Đông	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Trí Thanh	-	1.698.042.375
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Trang trí Nội thất TP. Hồ Chí Minh	437.454.000	814.594.500
Công ty TNHH Tân Hiệp phát	614.339.182	826.892.182
Các nhà cung cấp khác	5.306.190.383	9.587.360.496
Cộng	6.457.983.565	13.026.889.553

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

10. Người mua trả tiền trước

10a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	7.965.500.000	7.965.500.000
Trả trước của các cá nhân có quan hệ mật thiết với	7.965.500.000	7.965.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
các thành viên quản lý chủ chốt		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>194.112.466.944</i>	<i>174.750.121.138</i>
Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao – TP. Hồ Chí Minh	-	-
Các khách hàng trả trước cho dự án Phú Mỹ	4.730.000.000	4.730.000.000
Các khách hàng trả trước cho dự án Res 11	88.132.753.159	76.338.440.708
Các khách hàng trả trước cho dự án Nhà ở Xã hội	93.267.348.909	88.124.233.554
Ban quản lý Dự Án Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 2	7.982.364.876	5.557.446.876
Các khách hàng khác	-	-
Cộng	<u>202.077.966.944</u>	<u>182.715.621.138</u>

10b. Người mua trả tiền trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>7.995.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
Trả trước của các cá nhân có quan hệ mật thiết với các thành viên quản lý chủ chốt	7.995.000.000	5.000.000.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>127.299.899.475</i>	<i>61.787.464.440</i>
Các khách hàng trả trước cho dự án Res Green	127.299.899.475	61.787.464.440
Cộng	<u>135.294.899.475</u>	<u>66.787.464.440</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	850.908.495	-	(850.908.495)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.292.025.771	171.309.140	(2.292.025.771)	171.309.140
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.001.945.016	-	(1.001.945.016)	-
Thuế thu nhập cá nhân	435.471.727	100.674.651	(528.252.519)	7.893.859
Tiền thuê đất	-	3.514.496.872	(3.514.496.872)	-
Các loại thuế khác	-	15.136.176	(15.136.176)	-
Cộng	<u>4.580.351.009</u>	<u>3.801.616.839</u>	<u>(8.202.764.849)</u>	<u>179.202.999</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu từ bán căn hộ nhà ở xã hội Thới Bình 05%
- Doanh thu từ các hoạt động khác 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	856.545.703	80.287.252
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	856.545.703	80.287.252
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>171.309.141</i>	<i>16.057.450</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	171.309.140	16.057.450

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 7.520 m² tại số 7A Thoại Ngọc Hầu, quận Tân Phú, diện tích 131,1 m² tại 418 Hồng Bàng, quận 11, và diện tích 115,7 m² tại 593 Bình Thới, quận 11 TP. Hồ Chí Minh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

12. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí chuyển nhượng dự án An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	44.035.932.821	44.035.932.821
Trích trước chi phí bảo hành	183.656.853	183.656.853
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	12.250.000	96.450.000
Cộng	44.231.839.674	44.316.039.674

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 6,5%/năm, thời hạn vay từ 03 tháng đến 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bất động sản đầu tư (xem thuyết minh số V.8).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	19.851.423.129	-	(8.026.454.461)	-	11.824.968.668
Vay dài hạn đến hạn trả	30.539.805.000	-	(1.602.305.000)	8.512.500.000	37.450.000.000
Cộng	50.391.228.129	-	(9.628.759.461)	8.512.500.000	49.274.968.668

15b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn ⁽ⁱ⁾	20.007.716.465	20.616.613.965
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương ⁽ⁱⁱ⁾	21.536.720.832	28.349.220.832
Cộng	41.544.437.297	48.965.834.797

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn để xây dựng chung cư nhà ở xã hội Thới Bình với lãi suất 10,5%/năm cho 06 tháng đầu, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào tháng 12 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh V.6).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương để xây dựng chung cư Res 11 với lãi suất 9,5%/năm cho 06 tháng đầu, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh V.6).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	30.637.500.000	30.637.500.000
Trên 01 năm đến 05 năm	10.906.937.297	48.965.834.797
Cộng	41.544.437.297	79.603.334.797

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	48.965.834.797
Số tiền vay phát sinh	1.091.102.500
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(8.512.500.000)
Số cuối năm	41.544.437.297

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản trích trước chi phí chuyển nhượng dự án An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh. Trong đó, chi phí đền bù, giải tỏa là 42.115.391.503 VND. Đây là khoản kinh phí hạ tầng chung đóng góp cho chủ đầu tư dự án để thực hiện hạ tầng trực chính khu 87 ha.

14. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**14a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả của các bên liên quan</i>	7.003.773.094	9.048.410.793
Phải trả của các cá nhân có quan hệ mật thiết với các thành viên quản lý chủ chốt - tiền thi công cho đội	7.003.773.094	9.048.410.793
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.869.654.771	26.161.899.029
Cổ tức phải trả	120.738.160	160.433.290
Nhận ký quỹ ngắn hạn	23.300.000	989.300.000
Công ty Cổ phần Sista Land- Tiền cọc giữ chỗ dự án Res Green	-	17.764.365.495
Ông Ung Nho Cường - tiền thi công cho đội	1.807.267.922	2.671.647.922
Ông Nguyễn Quốc Học – tiền thi công cho đội	2.509.813.631	3.210.432.631
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.408.536.058	1.365.719.691
Cộng	<u>14.873.427.865</u>	<u>35.210.309.822</u>

14b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà thành phố - Nhận tiền ký quỹ cho thuê nhà	396.000.000	-
Công ty TNHH Tân Vinh Thái - Nhận tiền ký quỹ cho thuê nhà	500.000.000	-
Nhà trẻ Misa tại 336 Nguyễn Văn Luông	70.000.000	
Cty KHC Group	501.183.000	
Công ty TNHH MTV Hội nhập Phát triển Đông Hưng - Nhận tiền ký quỹ cho thuê nhà	247.675.500	247.675.500
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Anh Ngữ APAX - Nhận tiền ký quỹ cho thuê nhà	733.162.500	244.387.500
Cộng	<u>2.448.021.000</u>	<u>492.063.000</u>

14c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**15a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh – Chi nhánh Lãnh Bình Thăng	-	-
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn ⁽ⁱ⁾	11.824.968.668	19.851.423.129
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)	37.450.000.000	30.539.805.000
Cộng	<u>49.274.968.668</u>	<u>50.391.228.129</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.344.256.382	4.550.000	(195.000.000)	1.153.806.382
Quỹ phúc lợi	263.426.988	-	(210.402.550)	530.24.438
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	200.656.586	-	(138.800.000)	61.856.586
Cộng	1.808.339.956	4.550.000	(544.202.550)	1.268.687.406

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	65.519.650.000	14.546.182.530	78.067.804	8.927.524.882	89.071.425.216
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	64.229.802	64.229.802
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	3.211.490	3.211.490	(16.057.450)	(9.634.470)
Số dư cuối kỳ	65.519.650.000	14.549.394.020	81.279.294	8.975.697.234	89.126.020.548
Số dư đầu năm nay	65.519.650.000	15.231.244.221	763.129.495	12.501.585.248	94.015.608.964
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	685.236.563	685.236.563
Số dư cuối kỳ	65.519.650.000	15.231.244.221	763.129.495	13.186.821.811	94.700.845.527

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn	13.104.000.000	13.104.000.000
Các cổ đông khác	52.415.650.000	52.415.650.000
Cộng	65.519.650.000	65.519.650.000

17c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.551.965	6.551.965
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.551.965	6.551.965
- Cổ phiếu phổ thông	6.551.965	6.551.965
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.551.965	6.551.965
- Cổ phiếu phổ thông	6.551.965	6.551.965
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	8.640.696.789	7.998.623.895
Doanh thu hoạt động cho thuê kho, cửa hàng	1.269.097.086	464.575.482
Doanh thu hoạt động xây dựng	6.801.779.311	7.503.303.773
Doanh thu hoạt động khác	203.656.250	-
-Cộng	<u>16.915.229.436</u>	<u>15.516.503.150</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động bán hàng hóa	8.458.123.514	7.811.344.034
Giá vốn của hoạt động cho thuê kho, cửa hàng	50.302.369	32.802.369
Giá vốn của hoạt động xây dựng	6.668.411.089	6.915.003.699
Giá vốn hoạt động khác	-	-
Cộng	<u>15.176.836.972</u>	<u>14.759.150.102</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, tiền ký quỹ	881.228.761	354.798.084
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.872.344	6.078.382
Lãi chậm thanh toán	138.532.887	235.011.459
Cộng	<u>1.035.633.992</u>	<u>595.887.925</u>

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.120.418.405	596.376.261
Chi phí vật liệu, bao bì	17.756.352	9.068.800
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	25.270.822	33.335.010
Chi phí HĐQT	11.700.000	-
Phí, lệ phí	34.618.173	71.031.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.021.485	-
Chi phí khác	399.094.419	400.195.869
Cộng	<u>1.643.879.656</u>	<u>1.110.006.941</u>

5. Lãi trên cổ phiếu

5a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	685.236.563	64.229.802

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(9.634.470)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	685.236.563	54.595.332
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.551.965	6.551.965
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>105</u>	<u>8</u>

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.741.017.651	9.236.772.464
Chi phí nhân công	4.457.491.180	17.010.163.386
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.975.782	53.338.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.108.094.631	1.600.816.015
Chi phí khác	774.069.879	11.669.568.243
Cộng	<u>24.178.649.123</u>	<u>39.570.658.191</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	8.180.902.680	2.257.477.313
Trên 01 năm đến 05 năm	28.641.651.950	9.292.460.100
Trên 05 năm	5.177.590.000	7.308.400.000
Cộng	<u>42.000.144.630</u>	<u>11.549.937.413</u>

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.10 và V.14

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Tiền lương	236.319.300	277.292.400
Phụ cấp	32.475.000	26.075.000
Tiền thưởng	574.100.000	296.400.000
Cộng	<u>842.894.300</u>	<u>599.767.400</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn	Cổ đông nắm giữ 20% vốn điều lệ của Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn	Công ty con của Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thanh Niên	Lãnh đạo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thanh Niên là thành viên mật thiết trong gia đình với lãnh đạo Công ty Cổ phần Địa ốc 11

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn		
Cho vay	2.600.000.000	-

Giá hàng hóa cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3 và V.4.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

3a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây dựng: xây lắp các công trình dân dụng.
- Lĩnh vực thương mại: bán hàng hóa.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Đầu tư xây dựng và kinh doanh căn hộ, các hoạt động đầu tư bất động sản khác
- Các lĩnh vực khác: cho thuê kho, cửa hàng,...

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

3b. *Thông tin về khu vực địa lý*

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01

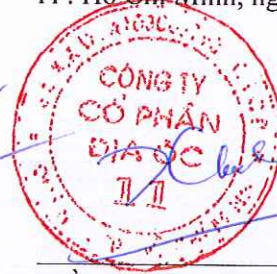
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2019

Trần Thị Minh Thư
Người lập biểu

Huỳnh Thị Yến Nhi
Kế toán trưởng



Trần Thị Kim Huệ
Tổng Giám đốc

